

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ ANH
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 5 - 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Toàn

Bà Lê Thị Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thạch – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Lê Thị Hoài Thơ, Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lô Thị N; Sinh ngày: 05/08/1989

Địa chỉ: Bản X, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên Tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Bùi Văn G; Sinh ngày: 05/05/1984

Địa chỉ: Thôn TS, xã V, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 02 năm 2022, trong bản tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lô Thị N trình bày: Chị N và anh G kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã Kỳ Vãn, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh ngày 27/11/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung tại với gia đình chồng tại Thôn TS, xã V, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và sinh được 02 con chung là cháu Bùi Thị

M – Sinh ngày 20 tháng 08 năm 2010 và Bùi Minh T – Sinh ngày 16 tháng 04 năm 2014. Tuy nhiên sau khi kết hôn được khoảng 05 thì Chị N và anh G bắt đầu xảy ra mâu thuẫn vì khác nhau trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bên cạnh đó, việc Chị N là người dân tộc ít người nên gia đình nhà chồng không tôn trọng, ngày càng ghét Chị N. Mặc dù Chị N đã nhiều lần bỏ qua, mong muốn hai bên đều cố gắng khắc phục những khuyết điểm của mình để cùng nhau xây đắp hạnh phúc gia đình nhưng anh G và gia đình chồng không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến khoảng cuối năm 2018, Chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An sinh sống.

Nay chị Lô Thị N xét thấy Chị N và anh G không thể đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, do đó chị yêu cầu được ly hôn anh G.

Hiện nay hai con chung Bùi Thị M và Bùi Minh T đang ở với anh Bùi Văn G tại Thôn TS, xã V, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, từ lúc vợ chồng ly thân cho đến nay. Hiện nay hai con có nguyện vọng ở với bố nên chị Lô Thị N tôn trọng nguyện vọng của các con, đồng ý giao hai con chung Bùi Thị M và Bùi Minh T cho anh Bùi Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Lô Thị N không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung và khẳng định không có nợ chung với anh G.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, chị Lô Thị N đã giao nộp các tài liệu chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy chứng minh nhân dân chị Lô Thị N, anh bản photo anh Bùi Văn G; bản sao sổ hộ khẩu; bản sao giấy khai sinh con chung Bùi Thị M và Bùi Minh T; Xác nhận về thông tin cư trú; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; bản tự khai; đơn xin xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn Bùi Văn G: Bị đơn Bùi Văn G đã được Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án nhưng anh G không ký vào biên bản giao nhận. Anh G đã có mặt tại Toà án để trình bày nguyện vọng của mình, nhưng sau đó Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử nhưng không đến, không có đơn yêu cầu Toà án xé xử vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai, anh G trình bày thống nhất với Chị N về việc anh và Chị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kỳ Vãn, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 27/11/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại với gia đình chồng tại Thôn TS, xã V, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và sinh được 02 con chung là cháu Bùi Thị M – Sinh ngày 20 tháng 08 năm 2010 và Bùi Minh T – Sinh ngày 16 tháng 04 năm 2014. Đến năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân, Chị N về nhà mẹ đẻ tại xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An sinh sống. Theo anh G, trong quá trình sinh sống có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không lớn, nay Chị N đề nghị ly hôn nhưng anh G không đồng ý mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì các con còn nhỏ. Trường hợp nếu Toà án giải quyết cho Chị N ly hôn anh G thì anh có nguyện nuôi cả hai con chung và

không yêu cầu Chị N cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh vì thu nhập của anh G mỗi tháng 15.000.000đ. Anh G cũng không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung. Vợ chồng không có nợ chung

Ngoài biên bản lấy lời khai, anh G không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có ý kiến quá trình thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, các vị Hội thẩm nhân dân, Thư ký được phân công tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 6, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Lô Thị N về việc ly hôn anh Bùi Văn G.

- Giao hai cháu Bùi Thị M – Sinh ngày 20 tháng 08 năm 2010 và Bùi Minh T – Sinh ngày 16 tháng 04 năm 2014 cho anh Bùi Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Tòa án.

Chị Lô Thị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi hai con cùng anh Bùi Văn G.

Chị Lô Thị N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về án phí: Chị Lô Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Bùi Văn G cư trú tại: Thôn TS, xã V, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh tại thời điểm Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý vụ án; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài, không phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Bùi Văn G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa. nguyên đơn Lô Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và thể hiện nguyện vọng đầy đủ gửi đến Tòa án. Do vậy, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều

227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án, gồm chị Lô Thị N và anh Bùi Văn G.

[2]. Về tình cảm: Chị N và anh G kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã Kỳ Văn, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh ngày 27/11/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại với gia đình chồng tại Thôn TS, xã V, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và sinh được 02 con chung là cháu Bùi Thị M – Sinh ngày 20 tháng 08 năm 2010 và Bùi Minh T – Sinh ngày 16 tháng 04 năm 2014. Tuy nhiên sau khi kết hôn được khoảng 05 năm thì Chị N và anh G bắt đầu xảy ra mâu thuẫn vì khác nhau trong qua điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Quá trình chung sống Chị N không được chồng và gia đình chồng tôn trọng vì là người dân tộc ít người. Chị N đã nhiều lần mong muốn vợ chồng khắc phục mâu thuẫn để cùng nhau xây đắp hạnh phúc gia đình nhưng anh G không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến khoảng cuối năm 2018, Chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã Bình Chuẩn, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An làm ăn sinh sống. Bị đơn Bùi Văn G đã được Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh thông báo hợp lệ nhiều lần, biết được nội dung yêu cầu của Chị N. Tại biên bản lấy lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, anh G trình bày vợ chồng anh trong quá trình sinh sống chưa có mâu thuẫn gì lớn nên anh không đồng ý ly hôn vì các con đang còn nhỏ. Tuy nhiên sau khi khai báo tại Tòa án anh G đã được thông báo hợp lệ đến phiên công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh G không có mặt hoặc gửi văn bản thể hiện anh có nguyện vọng nói chuyện, hoà giải để vợ chồng đoàn tụ. Thực tế cho thấy, vợ chồng anh G, Chị N nay đã không sống chung nhiều năm, Chị N kiên quyết ly hôn anh G, còn anh G không có thiện chí níu kéo hôn nhân, để mặc Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân giữa Chị N và anh G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được đủ căn cứ để xử cho Chị N ly hôn với anh G theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3]. Về con: Bùi Thị M và Bùi Minh T là hai con chung của chị Lô Thị N và anh Bùi Văn G. Tính đến nay Bùi Minh Trang 12 tuổi và Bùi Minh T 8 tuổi. Từ khi Chị N và anh G ly thân đến nay là bốn năm hai con chung do anh G trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Bùi Văn G có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con, hơn nữa hai con chung Bùi Thị M, Bùi Minh T có nguyện vọng được ở với bố, Chị N cũng đồng ý giao hai con chung cho anh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao hai cháu Bùi Thị M và Bùi Minh T cho anh Bùi Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Bùi Văn G không yêu cầu chị Lô Thị N cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cùng anh, HĐXX miễn xét.

[4]. Về tài sản chung: Chị Lô Thị N và anh Bùi Văn G không yêu cầu Tòa án phân chia, do đó miễn xét.

[5]. Về nợ: Vợ chồng không nợ ai.

[6]. Về án phí: Chị Lô Thị N là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, cho nên phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

[7]. Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị Lô Thị N, anh Bùi Văn G vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo,

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 , 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Lô Thị N về việc ly hôn anh Bùi Văn G.
- Giao hai cháu Bùi Thị M – Sinh ngày 20 tháng 08 năm 2010 và Bùi Minh T – Sinh ngày 16 tháng 04 năm 2014 cho anh Bùi Văn G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con của Tòa án.

Chị Lô Thị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi hai con cùng anh Bùi Văn G.

Chị Lô Thị N có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về án phí:

Chị Lô Thị N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005293 ngày 18 tháng 02 năm 2022. Tiền án phí chị Lô Thị N đã nộp đủ.

- Về quyền kháng cáo: Chị Lô Thị N, anh Bùi Văn G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn: Chị N;
- Bị đơn: Anh G;
- VKS huyện Kỳ Anh (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Văn;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Hoàng